

Số: .../2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày ... tháng 6 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy số 73/2021/QH14; được sửa đổi, bổ
sung một số điều theo Luật số 81/2025/QH15, Nghị quyết số 190/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 163/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024 của
Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia
phòng, chống ma túy đến năm 2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH ngày 14 tháng 4 năm 2025 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội khoá XV thông qua
ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội khoá XV thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp các đơn vị
hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2021
của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật
Phòng, chống ma túy;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-TTg ngày 27/6/2011 của Thủ tướng
Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống và kiểm soát ma túy ở
Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết Quy định một số chính sách hỗ trợ công tác
phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày
... tháng ... năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số chính sách

hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các chính sách, chế độ khác không nêu tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý.

2. Cá nhân có công phát hiện và trình báo đầu tiên với cơ quan có thẩm quyền về trồng cây có chứa chất ma túy; trực tiếp bắt đối tượng truy nã phạm tội về ma túy.

3. Lãnh đạo, cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ tham mưu trực tiếp, chuyên trách về công tác phòng, chống ma túy.

4. Cán bộ, chiến sĩ và lực lượng trực tiếp tham gia phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh.

5. Thân nhân của cán bộ, chiến sĩ và lực lượng trực tiếp tham gia phòng, chống ma túy hy sinh trong khi thi hành công vụ.

6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thẩm định, cấp, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Hỗ trợ kinh phí cho người không thuộc trường hợp hưởng lương từ ngân sách nhưng được phân công trực tiếp giúp đỡ người sử dụng trái phép chất ma túy đang trong thời hạn quản lý quy định tại điểm c khoản 2 Điều 42 Nghị định 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ: 25% mức lương cơ sở hiện hành/tháng/trường hợp được giúp đỡ.

Điều 4. Hỗ trợ kinh phí cho cá nhân hoặc tổ chức có công phát hiện và trình báo đầu tiên với cơ quan có thẩm quyền vùng trồng, tái trồng cây có chứa chất ma túy

1. Số lượng dưới 500 cây: 1.000.000 đồng/vụ việc.

2. Số lượng từ 500 cây đến dưới 3.000 cây: 3.000.000 đồng/vụ việc.

3. Số lượng từ 3.000 cây trở lên: 5.000.000 đồng/vụ việc.

Điều 5. Hỗ trợ kinh phí cho lãnh đạo Công an tỉnh; cán bộ, chiến sĩ thuộc Phòng Tham mưu và Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy thuộc Công an tỉnh thực hiện nhiệm vụ tham mưu trực tiếp, chuyên trách về công tác phòng, chống ma túy: 1,5 lần mức lương cơ sở hiện hành/tháng/người.

Điều 6. Hỗ trợ kinh phí cho lực lượng thực hiện các biện pháp đấu

tranh với tội phạm về ma túy trong bắt giữ và khởi tố bị can theo các tội danh về ma túy được quy định tại Bộ luật Hình sự

1. Vụ án có đối tượng phạm tội hoạt động liên tỉnh hoặc xuyên quốc gia: 30.000.000 đồng/vụ án.

2. Vụ án Mua bán trái phép chất ma túy (không thuộc trường hợp có đối tượng phạm tội hoạt động liên tỉnh hoặc xuyên quốc gia): 7.000.000 đồng/vụ án.

3. Vụ án phạm tội về ma túy khác (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này): 5.000.000 đồng/vụ án.

Điều 7. Hỗ trợ kinh phí cho lực lượng trực tiếp bắt đối tượng truy nã phạm tội về ma túy: 5.000.000 đồng/đối tượng.

Điều 8. Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, chiến sĩ và lực lượng tham gia phòng, chống ma túy bị phơi nhiễm hoặc nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp

1. Trường hợp bị phơi nhiễm HIV: 15.000.000 đồng/người/lượt phơi nhiễm.

2. Trường hợp bị nhiễm HIV: 50.000.000 đồng/người.

Điều 9. Hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, chiến sĩ và lực lượng trực tiếp tham gia đấu tranh với tội phạm về ma túy trong khi thi hành công vụ bị thương phải điều trị tại bệnh viện, suy giảm khả năng lao động

1. Trường hợp bị thương phải điều trị tại bệnh viện: 5.000.000 đồng/trường hợp.

2. Trường hợp bị thương suy giảm khả năng lao động:

a. Từ 21% đến 40%: 20.000.000 đồng/trường hợp.

b. Từ 41% đến 60%: 30.000.000 đồng/trường hợp.

c. Từ 61% đến 80%: 40.000.000 đồng/trường hợp.

d. Từ 81% trở lên: 60.000.000 đồng/trường hợp.

Điều 10. Hỗ trợ kinh phí cho thân nhân của cán bộ, chiến sĩ và lực lượng trực tiếp tham gia phòng, chống ma túy hy sinh trong khi thi hành công vụ: 100.000.000 đồng/liệt sĩ.

Điều 11. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách địa phương đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang về quy định một số chính sách hỗ trợ công tác phòng, chống ma túy trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Các bộ: Công an; Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Bộ Công an;
- Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Bộ Công an;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Chi cục Hải quan khu vực XVI;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn